TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 374/2018/KDTM-PT
Ngày: 16/4/2018
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng gia công may mặc"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Toại.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Hồng Ân.

2. Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng gia công may mặc".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị Bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1222/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2112/2018/QĐ-PT ngày 05/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A. (Tên gọi cũ: Công ty TNHH TM DV May mặc A).

Địa chỉ: Đường T, phường R, Quận P, TP.HCM.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Đường V, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2017)

2. Bị đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ: Đường H, phường F, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê B, sinh năm 1979. Chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ: Đường T, Phường P, quận G, TP.HCM.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

**** Đại diện Nguyên đơn trình bày:***

Ngày 12/8/2016, Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký Hợp đồng may mặc số SO 023/08/2016/DFF-TT với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ may mặc A (thay đổi tên gọi thành Công ty TNHH A từ ngày 02/12/2016, sau đây gọi tắt là Công ty A). Theo đó Công ty B là bên đặt hàng, Công ty A là bên nhận gia công. Công ty A đã thực hiện xong hợp đồng và yêu cầu Công ty B thanh toán tiền gia công.

Ngày 08/12/2016, Công ty B ký cam kết sẽ thanh toán dứt điểm vào ngày 26/12/2016, nếu không trả đúng ngày thì sẽ bị tính thêm lãi theo lãi Ngân hàng, nếu thanh toán sau ngày 02/01/2017 sẽ chịu thêm tiền phạt và bồi thường thiệt hại cho Công ty A.

Ngày 26/12/2016, Công ty A lập giấy đề nghị Công ty B thanh toán 287.587.900 (Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm) đồng và xuất hóa đơn Ký hiệu số TT/16P số 0000038 ngày 26/12/2016 gửi cho Công ty B. Ngày 28/12/2016, Hóa đơn và giấy đề nghị được giao trực tiếp cho Công ty B có biên bản giao nhận. Sau ngày 28/12/2016, Công ty A nhiều lần điện thoại, gửi thư điện tử email, yêu cầu thanh toán nợ nhưng Công ty B không trả lời. Để bảo vệ quyền lợi của mình, Công ty A khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết theo pháp luật, theo thỏa thuận ghi tại điều 8.1 của Hợp đồng vì giữa hai bên không tự giải quyết được. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn:

1/ Buộc Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền nợ gốc: 287.587.900 (Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm) đồng theo Giấy cam kết lập ngày 08/12/2016 và Hóa đơn số 0000038 ngày 26/12/2016 Công ty A đã gửi cho Công ty B kèm theo đề nghị thanh toán.

2/ Buộc Công ty B phải trả thêm tiền lãi quy định tại Điều 7 Mục 5 của Hợp đồng may mặc số SO 023/08/2016/DFF-TT lập ngày 12/08/2016 và theo Giấy cam kết lập ngày 08/12/2016, tính từ ngày 26/12/2016 tạm tính đến ngày hòa giải 25/7/2017 bằng 4 tháng chậm trả thành tiền: 287.587.900 đồng x lãi 0,5%/tháng x 6 tháng = 8.627.537 đồng. Tiền lãi còn phát sinh đến ngày Công ty B thanh toán dứt điểm số tiền nợ.

3/ Buộc Công ty B phải trả thêm tiền phạt qui định tại Điều 7 Mục 4 của Hợp đồng may mặc số SO 023/08/2016/DFF-TT lập ngày 12/08/2016 và theo ghi tại mục 2 giấy cam kết lập ngày 08/12/2016. Số tiền phạt vi phạm hợp đồng cụ thể: 287.587.900 đồng nợ thanh toán x 8% = 23.007.032 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu tạm tính đến ngày hòa giải 25/7/2017 bằng 319.222.469 đồng, gồm:

Nợ gốc: 287.587.900 đồng

Tiền lãi: 287.587.900 đồng x 0.5% x 6 tháng = 8.627.537 đồng

Phạt vi phạm hợp đồng: 287.587.900 đồng x 8% = 23.007.032 đồng

Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 20/10/2017, đại diện nguyên đơn trình bày cho rằng lỗi vi phạm về thời gian thực hiện hợp đồng là do phía bị đơn. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc giao trả nguyên phụ liệu và trả 600 áo là không có cơ sở vì Công ty A đã giao trả đủ được thể hiện trong Phiếu xuất kho ngày 10/12/2016 nên không chấp nhận.

Đối với việc bị đơn yêu cầu trả 54.626.760 đồng phí vận chuyển bằng đường hàng không. Về yêu cầu này phía nguyên đơn chỉ chấp nhận một phần căn cứ vào bản cam kết giữa hai bên ký ngày 08/12/2016 thì phía nguyên đơn chỉ chịu trách nhiệm trả phí vận chuyển của 03 thùng hàng tương đương với số tiền là 1.388.815 đồng.

Đối với việc bị đơn yêu cầu trả số tiền chi phí kiểm định là 18.171.600 đồng, phía nguyên đơn không chấp nhận vì căn cứ vào bản cam kết ngày 08/12/2016 hai bên đã thỏa thuận phí kiểm định chất lượng là 1.300 USD, mỗi bên chịu ½ là 650 USD khi xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho phía bị đơn, nguyên đơn đã trừ khoản tiền 650 USD quy đổi tiền Việt Nam đồng là 14.768.000 đồng.

**** Đại diện Bị đơn trình bày:***

Công ty B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty A do nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng, cụ thể: Giao hàng trễ hạn và không giao đủ số lượng hàng theo hợp đồng. Theo phiếu xuất kho của Công ty A thì ngày 08/12/2016, lượng hàng xuất cho Công ty B còn thiếu 12 thùng tương đương 600 cái áo do đó yêu cầu Công ty A phải bồi thường cho bị đơn cụ thể như sau:

Phạt hợp đồng 1% cho mỗi ngày giao hàng trễ, thiếu số lượng, không đạt chất lượng từ ngày 08/12/2016 đến ngày 02/8/2017 là 355 ngày: 726.808.500 đồng x 1% x 355 ngày = 2.580.170.175 đồng.

Phạt 8% giá trị hợp đồng do thực hiện không đầy đủ hợp đồng: 726.808.500 đồng x 8% = 58.144.680 đồng.

Chi phí xuất hàng trễ, xuất hàng bằng đường hàng không do trễ hàng, chi phí xe container hai lần: 54.626.760 đồng.

Sản xuất hàng không đạt chất lượng dẫn đến việc phải kiểm định lần 2 và lần 3 số tiền chi phí là (508 USD + 289 USD) x 22.695 đồng = 18.087.915 đồng.

Tổng cộng các khoản Công ty B yêu cầu Công ty A bồi thường thiệt hại là 2.711.029.530 (Hai tỷ bảy trăm mười một triệu không trăm hai mươi chín ngàn năm trăm ba mươi) đồng.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2017, ông Lê Bình Phương đại diện theo pháp luật của Công ty B có yêu cầu thay đổi nội dung yêu cầu phản tố, cụ thể:

Đề nghị Công ty A trả lại nguyên phụ liệu còn dư + giao số hàng còn thiếu theo hợp đồng là 600 cái áo + thanh toán các khoản chi phí do xuất hàng trễ nên phải vận chuyển bằng đường hàng không và xe vận chuyển là 54.626.760 đồng + Chi phí kiểm định là 18.171.600 đồng + phạt vi phạm hợp đồng là 58.144.680 đồng = 130.943.040 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, đã tuyên xử như sau:

Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH B.

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH A.

1/ Buộc Công ty TNHH B phải trả cho Công ty TNHH A số tiền nợ gốc: 286.199.085 đồng + tiền lãi là 15.353.217 đồng + tiền phạt vi phạm hợp đồng là 22.895.926 đồng = 324.448.228 (Ba trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm hai mươi tám) đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp Công ty TNHH B chậm thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty TNHH A thì Công ty TNHH B còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH B về việc phạt hợp đồng 1% cho mỗi ngày giao hàng trễ, thiếu số lượng, không đạt chất lượng từ ngày 08/12/2016 đến ngày 02/8/2017 là 355 ngày: 726.808.500 đồng x 1% x 355 ngày = 2.580.170.175 đồng do bị đơn rút yêu cầu trước khi mở phiên tòa.

Đình chỉ đối với những phần yêu cầu phản tố khác do bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/12/2017, Công ty B nộp đơn kháng cáo (qua đường Bưu điện) yêu cầu Công ty A giao số hàng còn thiếu là 600 cái áo theo hợp đồng và giao nguyên phụ liệu còn dư sau khi sản xuất cho Công ty B. Yêu cầu Công ty A thanh toán cho Công ty B số tiền là 130.943.040 đồng, gồm chi phí giao hàng trễ phải vận chuyển bằng đường hàng không là 54.626.760 đồng + chi phí kiểm định là 18.171.600 đồng + phạt vi phạm hợp đồng là 58.144.680 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- Bà Thân Trọng Minh Phương- phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung bản án sơ thẩm do Hội đồng xét xử tóm tắt là đúng như bản án sơ thẩm và không có đương sự nào cung cấp thêm chứng cứ mới. Xét Tòa án nhân dân Quận 7, TP.HCM thụ lý giải quyết tranh chấp về "hợp đồng gia công may mặc", giữa Công ty A với Công ty B là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn yêu cầu Công ty A giao số hàng còn thiếu là 600 cái áo theo hợp đồng và giao nguyên phụ liệu còn dư sau khi sản xuất cho Công ty B. Công ty A thanh toán cho Công ty B số tiền là 130.943.040 đồng, gồm chi phí giao hàng trễ phải vận chuyển bằng đường hàng không là 54.626.760 đồng + chi phí kiểm định là 18.171.600 đồng + phạt vi phạm hợp đồng 58.144.680 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: yêu cầu kháng cáo của bị đơn là nội dung yêu cầu phản tố mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết vì bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không vì sự kiện bất khả kháng hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết yêu cầu này của bị đơn; khi cần bị đơn có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2017/KDTM-ST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, TP.HCM.

Cụ thể tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH A.

1/ Buộc Công ty TNHH B phải trả cho Công ty TNHH A số tiền nợ gốc: 286.199.085 đồng + tiền lãi là 15.353.217 đồng + tiền phạt vi phạm hợp đồng là 22.895.926 đồng = 324.448.228 (*Ba trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm hai mươi tám*) đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp Công ty TNHH B chậm thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty TNHH A thì Công ty TNHH B còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH B về việc phạt hợp đồng 1% cho mỗi ngày giao hàng trễ, thiếu số lượng, không đạt chất lượng từ ngày 08/12/2016 đến ngày 02/8/2017 là 355 ngày: 726.808.500 đồng x 1% x 355 ngày = 2.580.170.175 đồng do bị đơn rút yêu cầu trước khi mở phiên tòa.

Đình chỉ đối với những phần yêu cầu phản tố khác do bị đơn vắng mặt không có lý do.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 22.700.122 (*Hai mươi hai triệu bảy trăm ngàn một trăm hai mươi hai*) đồng.

Bị đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí tương ứng đối với phần giá trị yêu cầu phản tố đã rút, cụ thể là 41.801.702 đồng nhưng được trừ vào số tiền án phí phải chịu nêu trên. Do đó, bị đơn được hoàn lại số tiền chênh lệch tạm ứng án phí đã đóng là 19.101.580 (*Mười chín triệu một trăm lẻ một ngàn năm trăm tám mươi*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0024265 ngày 14/8/2017 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 7 lập.

Hoàn lại nguyên đơn số tiền 7.908.667 (*Bảy triệu chín trăm lẻ tám ngàn sáu trăm sáu mươi bảy*) đồng tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07865 ngày 23/5/2017 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 7 lập.

- Án phí phúc thẩm Công ty TNHH B phải chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng kháng cáo 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng mà Công ty TNHH B đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0024989 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, TP.HCM.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Công Toại